

**BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG**

**1. Diễn biến xu thế mực nước:**

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông : Mực nước cao nhất ngày tại các trạm xuống theo triều trong 5 ngày tới; mực nước thấp nhất ngày tại các trạm tiếp tục lên trong 1-2 ngày tới, sau đó xuống theo triều.
- Nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất, thấp nhất ngày tại các trạm xuống chậm trong những ngày tới.

**2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 06/3 đến 10/3/2022**

| STT | Trạm       | sông, kênh, rạch       | Cấp báo động (m) |       |        | Đặc trưng  | Mực nước thực đo (m) |                     |               | Mực nước dự báo (m) |               |               |               |               |
|-----|------------|------------------------|------------------|-------|--------|------------|----------------------|---------------------|---------------|---------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
|     |            |                        | BĐ I             | BĐ II | BĐ III |            | 05/3                 | So với cùng kỳ 2021 | So với TBNN   | 06/3                | 07/3          | 08/3          | 09/3          | 10/3          |
| 1   | Tân Châu   | Tiền                   | 3.50             | 4.00  | 4.50   | Max<br>Min | 1.40<br>-0.07        | 0.10<br>0.05        | 0.32<br>-0.21 | 1.31<br>-0.02       | 1.26<br>0.04  | 1.23<br>0.02  | 1.21<br>-0.03 | 1.20<br>-0.06 |
| 2   | Chợ Mới    | Ông Chường             | 2.00             | 2.50  | 3.00   | Max<br>Min | 1.46<br>-0.20        | 0.12<br>0.00        | 0.41<br>-0.04 | 1.35<br>-0.14       | 1.29<br>-0.07 | 1.25<br>-0.10 | 1.22<br>-0.16 | 1.20<br>-0.20 |
| 3   | Khánh An   | Hậu                    | 4.20             | 4.70  | 5.20   | Max<br>Min | 1.16<br>0.34         | 0.10<br>0.11        | 0.20<br>0.01  | 1.09<br>0.38        | 1.05<br>0.43  | 1.03<br>0.42  | 1.02<br>0.38  | 1.01<br>0.36  |
| 4   | Châu Đốc   | Hậu                    | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max<br>Min | 1.56<br>-0.06        | 0.08<br>0.02        | 0.44<br>-0.12 | 1.45<br>-0.01       | 1.40<br>0.05  | 1.37<br>0.03  | 1.35<br>-0.02 | 1.34<br>-0.05 |
| 5   | Long Xuyên | Hậu                    | 1.90             | 2.20  | 2.50   | Max<br>Min | 1.62<br>-0.19        | 0.14<br>0.00        | 0.47<br>0.09  | 1.50<br>-0.13       | 1.44<br>-0.06 | 1.40<br>-0.09 | 1.37<br>-0.15 | 1.35<br>-0.19 |
| 6   | Vàm Nao    | Vàm Nao                | 2.50             | 2.90  | 3.30   | Max<br>Min | 1.49<br>-0.17        | 0.12<br>-0.02       | 0.39<br>-0.10 | 1.39<br>-0.11       | 1.33<br>-0.04 | 1.29<br>-0.07 | 1.26<br>-0.13 | 1.24<br>-0.17 |
| 7   | Xuân Tô    | Vĩnh Tế                | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max<br>Min | 0.47<br>0.20         | 0.14<br>0.10        | 0.08<br>0.05  | 0.45<br>0.16        | 0.43<br>0.14  | 0.42<br>0.13  | 0.40<br>0.11  | 0.37<br>0.08  |
| 8   | Vĩnh Gia   | Vĩnh Tế                | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max<br>Min | 0.33<br>0.28         | 0.16<br>0.17        | 0.04<br>0.01  | 0.32<br>0.25        | 0.30<br>0.23  | 0.29<br>0.22  | 0.27<br>0.20  | 0.24<br>0.17  |
| 9   | Tri Tôn    | Tri Tôn                | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max<br>Min | 0.46<br>0.23         | 0.11<br>0.10        | 0.07<br>0.06  | 0.45<br>0.20        | 0.43<br>0.18  | 0.42<br>0.17  | 0.40<br>0.15  | 0.37<br>0.12  |
| 10  | Cô Tô      | Tri Tôn                | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | -<br>-               | -<br>-              | -<br>-        | 0.60<br>0.43        | 0.58<br>0.41  | 0.57<br>0.40  | 0.55<br>0.38  | 0.52<br>0.35  |
| 11  | Lò Gạch    | Tám Ngàn               | 1.70             | 2.10  | 2.50   | Max<br>Min | 0.31<br>0.23         | 0.14<br>0.14        | 0.10<br>0.07  | 0.29<br>0.19        | 0.27<br>0.17  | 0.26<br>0.16  | 0.24<br>0.14  | 0.21<br>0.11  |
| 12  | Vọng Thê   | Ba Thê                 | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | 0.71<br>0.59         | 0.13<br>0.15        | 0.21<br>0.24  | 0.70<br>0.56        | 0.68<br>0.54  | 0.67<br>0.53  | 0.65<br>0.51  | 0.62<br>0.48  |
| 13  | Vĩnh Hạnh  | Núi Chóc<br>Năng Gù    | 1.90             | 2.30  | 2.70   | Max<br>Min | 0.99<br>0.57         | 0.10<br>0.13        | 0.30<br>0.18  | 0.96<br>0.52        | 0.94<br>0.50  | 0.93<br>0.49  | 0.91<br>0.47  | 0.88<br>0.44  |
| 14  | Núi Sập    | Rạch Giá<br>Long Xuyên | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | 0.74<br>0.52         | 0.13<br>0.13        | 0.12<br>0.10  | 0.71<br>0.47        | 0.69<br>0.45  | 0.68<br>0.44  | 0.66<br>0.42  | 0.63<br>0.39  |

**3. Cảnh báo (nếu có):**

**4. Ghi chú:**

- Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van>

Tin phát lúc 11h00 ngày 06/3/2022

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt

Huỳnh Nguyễn Khánh Loan